



MẶT BÍCH CỔ INOX 304 ANSI CLASS 150 LBS

MÃ SẢN PHẨM
TÊN SẢN PHẨM

Loại Bích
Chất Liệu

Tiêu Chuẩn
Áp Lực
Độ Dày
Kích Cỡ

Sử Dụng

Sản Phẩm

SP- 52

MẶT BÍCH HÀN CỔ THÉP ĐÚC ANSI B16.5
ASTM A105 150 LBS

Bích rỗng cao cổ / hàn cổ / Welding Neck (WN RF)
Thép đúc áp lực- Forged carbon steel ASTM A105,
A/ SA 105 N

ASME/ ANSI B 16.5

Class 150 lbs ~ Class 300 lbs ~ Class 600 lbs

STD ~ SCH 40s ~ SCH 80s ~ SCH 160s ~ SCH xxs

DN 15A → DN 600A ≈ (½" inch → 24" inch) ≈
(21.3 mm → 609.6 mm)

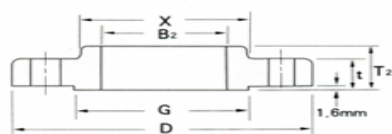
Xăng, dầu, khí, gas, hơi nóng, khí nén, nước, nước
thải,...

Phủ sơn chống gỉ, vàng trong, sơn đen, mạ kẽm &
nhúng nóng

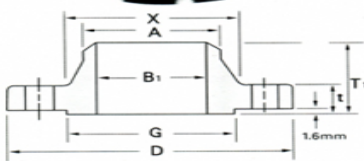
Tình Trạng
Xuất Xứ

Hàng có sẵn, mới 100%
Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam

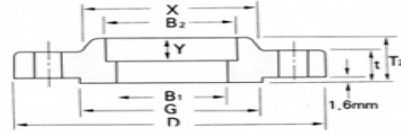
CLASS 300 FLANGES



SLIP-ON



WELDING NECK



SOCKET WELDING

ANSI B16.5 FORGED FLANGES

Unit:mm

Nominal Pipe Size	Outside Diam	Diam at Base of Hub	O.D. of Raised Face	Thick- ness	BORE				LENGTH THRU HUB			Diam. of Hub at Bevel	Radius of Fillet	Threaded Length
					Welding Neck Socket Welding	Slip-on Socket Welding	Lap Joint	Counter Bore Min. Threated Min.	Welding Neck	Slip-on Threaded Socket Welding	Lap Joint			
					B ₁	B ₂	B ₃	B	T ₁	T ₂	T ₃			
1/2	95	38.1	35.1	14.2	15.7	22.4	22.9	23.6	52.3	22.4	22.4	21.3	3.0	15.7
3/4	117	47.8	42.9	15.7	20.8	27.7	28.2	29.0	57.2	25.4	25.4	26.7	3.0	15.7
1	124	53.8	50.8	17.5	26.7	34.5	35.1	35.8	62.0	26.9	26.9	33.5	3.0	17.5
1 1/4	133	63.5	63.5	19.1	35.1	43.2	43.7	44.5	65.0	26.9	26.9	42.2	4.8	20.6
1 1/2	155	69.9	73.2	20.6	40.9	49.5	50.0	50.5	68.3	30.2	30.2	48.3	6.4	22.4
2	165	84.1	91.9	22.1	52.6	62.0	62.5	63.5	69.9	33.3	33.3	60.5	7.9	28.4
2 1/2	191	100.1	104.6	25.4	62.7	74.7	75.4	76.2	76.2	38.1	38.1	73.2	7.9	31.8
3	210	117.3	127.0	28.4	78.0	90.7	91.4	92.2	79.2	42.9	42.9	88.9	9.7	31.8
3 1/2	229	133.4	139.7	30.2	90.2	103.4	104.1	104.9	81.0	44.5	44.5	101.6	9.7	36.6
4	254	146.1	157.2	31.8	102.4	116.1	116.8	117.6	85.9	47.8	47.8	114.3	11.2	36.6
5	279	177.8	185.7	35.1	128.3	143.8	144.5	144.5	98.6	50.8	50.8	141.2	11.2	42.9
6	318	206.2	215.9	36.6	154.2	170.7	171.5	171.5	98.6	52.6	52.3	168.4	12.7	46.0
8	381	260.4	269.7	41.1	202.7	221.5	222.3	222.3	111.3	62.0	62.0	219.2	12.7	50.8
10	445	320.5	323.9	47.8	254.5	276.4	277.4	276.4	117.3	66.5	95.3	273.1	12.7	55.6
12	521	374.7	381.0	50.8	304.8	327.2	328.2	328.7	130.0	73.2	101.6	323.9	12.7	60.5
14	584	425.5	412.8	53.8	336.6	359.2	360.2	360.4	142.7	76.2	111.3	355.6	12.7	63.5
16	648	482.6	469.9	57.2	387.4	410.5	411.2	411.2	146.1	82.6	120.7	406.4	12.7	68.3
18	711	533.4	533.4	60.5	438.2	461.8	462.3	462.0	158.8	88.9	130.0	457.2	12.7	69.9
20	775	587.2	584.2	63.5	489.0	513.1	514.4	512.8	162.1	95.3	139.7	508.0	12.7	73.2
24	914	701.5	692.2	69.9	590.6	616.0	616.0	614.4	168.1	106.4	152.4	609.6	12.7	82.6

Sản phẩm khác



—

[RẮC CO REN THÉP RÈN A105](#)

[Xem thêm RẮC CO REN THÉP RÈN A105](#)



—

[CÀ RÁ REN ÁP LỰC INOX 304L](#)

[Xem thêm CÀ RÁ REN ÁP LỰC INOX 304L](#)



—

MẶT BÍCH RỒNG INOX 304

[Xem thêm MẶT BÍCH RỒNG INOX 304](#)



—

MẶT BÍCH INOX 304

[Xem thêm MẶT BÍCH INOX 304](#)



—

MẶT BÍCH MÙ THÉP SS400 DIN 2527 PN40

[Xem thêm MẶT BÍCH MÙ THÉP SS400 DIN 2527 PN40](#)



—

MẶT BÍCH RỒNG INOX 304 ANSI CLASS 150 LBS

[Xem thêm MẶT BÍCH RỒNG INOX 304 ANSI CLASS 150 LBS](#)